ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NÚI CẤM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7666 /QĐ-UBND	*Núi Cấm, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Đường dẫn Cầu An Đông
Địa điểm: Xã Núi Cấm, tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÚI CẤM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025//QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Công văn số 3160/BCTĐ-PKT ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Núi Cấm về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Đường dẫn Cầu An Đông;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 3161/TTr–PKT ngày 02 tháng 11 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường dẫn Cầu An Đông, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường dẫn Cầu An Đông.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

2.1. Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông, dự án nhóm C.

2.2. Loại, cấp công trình chính của dự án: Cấp IV.

2.3. Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dưới 25 năm.

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

4.1. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Núi Cấm, tỉnh An Giang.

4.2. Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế:

4.3. Diện tích sử dụng đất của dự án: Công trình đường dẫn chủ yếu xây dựng trên mặt đường hiện trạng có sẵn.

5. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Núi Cấm.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Núi Cấm.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:

7.1. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng An Phước AG.

7.2. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng An Phước AG.

8. Mục tiêu dự án:

Hiện tại việc đi lại, giao thương giữa 2 bờ Tây Trà Sư – TL945 (cũ) chưa được kết nối, gây khó khăn và ảnh hưởng nhiều mặt về đời sống của người dân trong khu vực, đặc biệt là nhu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất lúa trong vùng, người dân và phương tiện nông nghiệp muốn tiếp cận vùng sản xuất phải phụ thuộc hoàn toàn vào đò ngang;

Chính vì vậy, việc đầu tư xây dựng công trình: Đường dẫn Cầu An Đông tạo điều kiện đưa cơ giới hóa vào 100% các khâu (làm đất, gieo cấy, thu hoạch), giúp giải phóng sức lao động, đẩy nhanh tiến độ mùa vụ và nâng cao năng suất trồng lúa. Đồng thời phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hàng hóa của người dân, tạo vẻ mỹ quan cho khu vực, tạo đà cho sự phát triển giao thông nông thôn, tạo nên bộ mặt văn minh, văn hóa, góp phần

phát triển kinh tế xã hội, xúc tiến hiện đại hóa – công nghiệp hóa. Do đó mục tiêu của công trình là phục vụ phúc lợi xã hội;

Việc đầu tư cho công trình: Đường dẫn Cầu An Đông là một nhu cầu bức thiết cần phải đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô chung:

- Dự án nhóm: Nhóm C;

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Cấp công trình: Cấp IV.

a. Phần cầu:

- Tiêu chuẩn thiết kế phần cầu: TCVN 11823:2017;

- Thời hạn sử dụng của công trình: 10 năm;

- Vận tốc thiết kế: 15 Km/h;

- Tải trọng thiết kế: Xe đơn 5 tấn;

- Tải trọng người phân bố: 300 kg/m^2;

- Chiều rộng mặt cầu xe chạy: 3,0m – 5,0m;

- Kết cấu thượng tầng: Cầu thép mạ kẽm;

- Kết cấu hạ tầng: Bằng BTCT;

- Thông thuyền: Theo khoảng thông cầu thép hiện trạng.

b. Phần đường:

- Tiêu chuẩn thiết kế phần đường: TCVN 10380:2014;

- Kết cấu áo đường: Bê tông xi măng.

9.2. Kết cấu kỹ thuật:

a. Kết cấu thượng tầng:

- Chiều dài cầu: 82,7m;

- Kết cấu nhịp: Cầu thép mạ kẽm (Sử dụng cầu hiện trạng dài 60,1m + lắp mới đoạn 9,42m + 8,4m);

- Chiều rộng xe chạy: 3,0m – 5,0m (Đoạn tránh xe 8,4m);

- Láng nhựa mặt cầu một lớp dày 1,5cm TCN 1,8 kg/m^2.

b. Kết cấu mố:

- Mố cầu bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ;

- Móng cọc gồm 3 cọc BTCT tiết diện 30x30cm. Chiều dài cọc dự kiến L= 17,7m, cọc đóng thẳng.

c. Kết cấu trụ cầu:

- Trụ cầu bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ;

- Móng cọc trụ thông thuyền T1, T2: gồm 6 cọc BTCT tiết diện 30x30cm. Chiều dài cọc dự kiến L= 23,6m, cọc đóng xiên 7:1;

- Móng cọc trụ trên cạn T3, T4, T5: gồm 8 cọc BTCT tiết diện 30x30cm. Chiều dài cọc dự kiến L= 17,7m, cọc đóng thẳng.

d. Phần đường vào cầu:

- Mặt đường bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 16cm;

- Trải tấm nylon chống thấm mặt đường;

- Móng đường bằng CPĐD loại 2 dày 12cm, K > 0.98;

- Trải vải địa kỹ thuật phân cách, R>=15kN/m^2;

- San đầm nền đường 30cm trên cùng K>=0.98;

- Đắp nền tạo khuôn đường (tôn cao nền bằng cát, độ chặt K>=0.90).

e. Gia cố taluy đường vào cầu:

- Xây đá hộc dày 30cm ốp mái taluy đường vào cầu phía mố MA;

- Bê tông lót móng đá 4x6 M100 dày 10cm;

- Chân khay xây đá hộc kích thước (50x50)cm;

- Bê tông lót móng đá 4x6 M100 dày 10cm;

- Gia cố móng chân khay bằng cọc tràm L>=4,7m, đường kính ngọn >=5cm, mật độ 16 cây/1m².

f. Hạng mục khác:

- Đảm bảo an toàn giao thông bộ: Cọc tiêu, biển báo được áp dụng theo QCVN 41:2024/BGTVT;

- Đảm bảo an toàn giao thông thủy được áp dụng theo QCVN 39:2020/BGTVT;

- Tháo, phá dỡ cầu thép hiện trạng.

10. Số bước thiết kế; Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

Dự án lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế 01 bước.

Theo Công văn số 3160/BCTĐ-PKT ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Núi Cấm.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng (tính tròn): 2.987.735.000 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng).* Trong đó:

Đơn vị: Đồng.

Nội dung	Giá trị đầu tư
Chi phí xây dựng	2.659.876.408
Chi phí quản lý dự án	80.434.662
Chi phí tư vấn xây dựng	222.419.673
Chi phí khác	17.555.146
Dự phòng phí	7.448.826
Tổng kinh phí	**2.987.734.715**
Tính tròn	**2.987.735.000**

12. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án:

12.1. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án: Năm 2026.

12.2. Phân kỳ đầu tư: Năm 2026.

12.3. Thời hạn hoạt động của dự án: Không quy định.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

13.1. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã.

13.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Trong năm 2026.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không quy định.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2. Chủ đầu tư triển khai thực hiện đúng theo nội dung Điều 1 của Quyết định này. Đồng thời tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NÚI CẤM T. AN GIANG

Nguyễn Hùng Cường